

Số: 288/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM);

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của VEAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE),

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm:

- 1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- 2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018;
- 6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018.

Một số chỉ tiêu chính của báo cáo 31/12/2018 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
I. Tổng tài sản	18.726.571	26.405.981
1. Tài sản ngắn hạn	13.777.899	16.407.546
2. Tài sản dài hạn	4.948.672	9.998.435
II. Nợ phải trả	213.366	1.556.403
1. Nợ ngắn hạn	202.572	1.398.653
2. Nợ dài hạn	10.795	157.750
III. Vốn CSH	18.513.205	24.849.578
IV. Kết quả kinh doanh		
1. Doanh thu HH & CCDV	2.927.109	7.070.076
2. Lợi nhuận trước thuế	5.250.622	7.126.225
3. Lợi nhuận sau thuế	5.224.455	7.047.231

Toàn bộ văn bản Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VP, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Chuyện



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuyền	Ủy viên
Ông Vũ Quang Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Ủy viên
Ông Lê Hữu Phúc	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyền	Quyền Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/08/2018)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc (bãi nhiệm kể từ ngày 29/3/2019)
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP



Ngô Văn Tuyền

Quyền Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Số: 271 -19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Công ty mẹ - Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản hỗ trợ vốn cho một số đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty chưa được Công ty mẹ - Tổng Công ty xác định và ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn này. Với những tài liệu hiện có tại Công ty mẹ - Tổng Công ty chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán đang được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 48.323.392.229 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để xác định giá trị có thể thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên hay không.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của Hàng tồn kho tồn đọng từ các năm tài chính trước với giá trị 81.030.217.622 đồng, chưa đánh giá khả năng thu hồi của khoản gốc và lãi hỗ trợ vốn cho một số đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty với giá trị lần lượt là 570.944.647.292 đồng và 75.490.785.012 đồng. Với những tài liệu mà Công ty mẹ - Tổng Công ty cung cấp chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và khả năng thu hồi của khoản hỗ trợ vốn cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho các khoản mục nêu trên hay không.

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.7 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Nhà máy thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 trên cơ sở giá bán ước tính theo quy chế bán hàng và phần trăm giảm giá theo thời gian sản xuất của xe và các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm. Với những tài liệu mà Nhà máy cung cấp chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng hàng tồn kho mà Nhà máy đã trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Trong năm 2018, Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đang ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 (chưa có thùng chở hàng, sản xuất năm 2017, tiêu chuẩn khí thải EURO II) cho Công ty CP Thương mại dịch vụ TCG với giá trị 261.818.181.900 đồng, ghi nhận giá vốn và các chi phí liên quan ước tính của lô hàng này để xác định kết quả kinh doanh trong năm lần lượt là 229.707.416.374 đồng và 1.627.700.850 đồng. Với những tài liệu Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cung cấp thì khoản ghi nhận doanh thu nêu trên chưa thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu, giá vốn và các chi phí liên quan đến lô hàng nêu trên dẫn tới Lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP năm 2018 tăng thêm với giá trị 30.483.064.676 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.777.899.237.575	9.164.590.944.925
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	205.359.805.369	2.090.605.939.937
1 Tiền	111		148.970.539.414	460.075.820.056
2 Các khoản tương đương tiền	112		56.389.265.955	1.630.530.119.881
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	8.618.390.954.308	1.800.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.618.390.954.308	1.800.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.327.313.360.593	2.269.651.460.441
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	869.011.309.392	1.398.723.723.145
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	174.220.584.978	605.642.892.494
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.608.355.988.707	579.022.029.252
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(326.920.156.012)	(316.382.817.978)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.	2.645.633.528	2.645.633.528
IV Hàng tồn kho	140		1.565.820.616.488	2.799.403.079.737
1 Hàng tồn kho	141	V.8.	1.602.352.369.529	2.839.354.910.770
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(36.531.753.041)	(39.951.831.033)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		61.014.500.817	204.930.464.810
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13.	1.873.839.353	3.258.983.020
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.610.174.473	182.229.344.265
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	4.530.486.991	19.442.137.525
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.948.672.001.488	8.043.046.566.982
I Các khoản phải thu dài hạn	210		620.586.067.292	616.702.847.292
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	48.876.150.000	7.135.000.000
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	571.709.917.292	609.567.847.292
II Tài sản cố định	220		789.668.479.885	828.334.155.546
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	770.450.406.209	808.863.465.502
- Nguyên giá	222		1.342.076.564.402	1.287.435.688.051
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(571.626.158.193)	(478.572.222.549)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	19.218.073.676	19.470.690.044
- Nguyên giá	228		19.850.307.767	19.850.307.767
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(632.234.091)	(379.617.723)
III Bất động sản đầu tư	230	V.12.	39.623.917.075	41.368.437.109
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(17.826.811.679)	(16.082.291.645)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	60.097.804.473	113.056.789.963
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		60.097.804.473	113.056.789.963
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	3.362.497.815.168	6.362.192.794.987
1 Đầu tư vào công ty con	251		2.793.088.901.590	2.199.462.990.357
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		691.688.117.180	4.190.779.414.294
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.170.823.616	27.170.823.616
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(149.450.027.218)	(55.220.433.280)
VI Tài sản dài hạn khác	260		76.197.917.595	81.391.542.085
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13.	76.197.917.595	81.391.542.085
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		18.726.571.239.063	17.207.637.511.907

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		213.366.643.077	3.397.562.511.267
I Nợ ngắn hạn	310		202.571.919.689	3.363.165.117.742
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	54.703.064.953	1.711.582.641.879
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	7.979.164.118	3.262.663.259
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	34.252.861.069	29.965.163.335
4 Phải trả người lao động	314		7.408.640.868	19.816.796.269
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	37.347.750.732	64.563.349.253
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.	2.000.000	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	57.207.528.945	1.522.778.796.701
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20.	3.534.736.744	-
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		136.172.260	11.195.707.046
II Nợ dài hạn	330		10.794.723.388	34.397.393.525
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	10.794.723.388	34.397.393.525
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.513.204.595.986	13.810.075.000.640
I Vốn chủ sở hữu	410	V.21.	18.512.454.595.986	13.810.075.000.640
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.224.454.595.986	522.075.000.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.224.454.595.986	522.075.000.640
3 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		750.000.000	-
1 Nguồn kinh phí	431		750.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		18.726.571.239.063	17.207.637.511.907

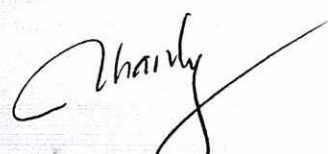
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

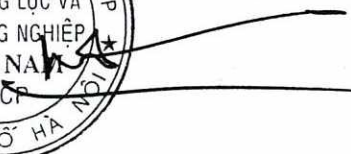
Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Hồng


Hoàng Văn Lãm




Ngô Văn Tuyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: VND
				Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.927.109.085.465	2.554.889.955.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	12.308.897.100
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.927.109.085.465	2.542.581.058.228
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	2.722.794.840.214	2.271.110.767.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		204.314.245.251	271.470.291.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	5.494.790.932.152	994.512.655.321
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	148.112.599.147	55.384.195.601
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	105.618.027.831	214.026.676.641
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	185.795.382.924	470.616.646.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.259.579.167.501	525.955.427.778
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.460.525.400	5.174.473.318
12. Chi phí khác	32	VI.7.	10.417.787.434	9.054.900.456
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(8.957.262.034)	(3.880.427.138)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.250.621.905.467	522.075.000.640
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	26.167.309.481	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.224.454.595.986	522.075.000.640

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Hồng


Hoàng Văn Lãm


Ngô Văn Tuyền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: VND Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.250.621.905.467	522.075.000.640
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		95.051.072.046	84.844.927.324
- Các khoản dự phòng	03		104.881.590.724	411.555.082.291
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(21.348.870)	(66.731.490)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.493.884.901.287)	(993.636.019.602)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(43.351.681.920)	24.772.259.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.779.003.085.294)	(1.229.299.396.098)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.237.002.541.241	(1.301.509.232.587)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.026.382.851.474)	1.566.225.799.862
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.578.768.157	12.865.390.724
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(18.867.627.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.410.206.262	482.989.100
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.525.493.986.637)	(20.668.845.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.115.240.089.665)	(965.998.662.987)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.987.109.426)	(51.068.485.948)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.318.390.954.308)	(1.800.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000.000	67.350.618.622
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(284.788.090.226)	(12.915.563.580)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.853.987.197.023	4.972.451.899.010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.742.821.043.063	3.175.818.468.104
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(512.706.317.754)	(3.663.813.002.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(512.706.317.754)	(3.663.813.002.921)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.885.125.364.356)	(1.453.993.197.804)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.090.605.939.937	3.544.525.693.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(120.770.212)	73.444.259
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	205.359.805.369	2.090.605.939.937

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Hoàng Văn Lãm



Quyền Tổng giám đốc

Ngô Văn Tuyền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**TÔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuyên	Ủy viên
Ông Vũ Quang Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Ủy viên
Ông Lê Hữu Phúc	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyên	Quyền Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/08/2018)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm kể từ ngày 29/03/2019)
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP



Ngô Văn Tuyển

Quyền Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

Số: 272 -19/BC-TC/V&E

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 06/04/2019, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh tại mục IV.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, năm tài chính của các công ty liên kết là Công ty Honda Việt Nam và Công ty Ô tô Toyota Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/3 năm sau. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty bao gồm lợi nhuận của hai Công ty nêu trên cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 trên cơ sở các Báo cáo tài chính do các Công ty này cung cấp và chưa được kiểm toán.

Vấn đề khác

Đến thời điểm kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu bàn giao Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH sang Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Theo đó, số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể có sự thay đổi khi có Quyết toán Cổ phần hóa.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.407.545.885.321	10.987.001.974.429
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	341.531.412.151	2.488.042.051.083
1 Tiền	111		267.142.146.196	622.911.931.202
2 Các khoản tương đương tiền	112		74.389.265.955	1.865.130.119.881
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	9.649.922.948.807	2.152.016.904.273
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.649.922.948.807	2.152.016.904.273
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.010.621.115.359	2.610.008.311.342
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.567.888.144.058	2.141.679.408.160
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	281.583.470.841	652.314.809.816
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.584.207.993.274	236.130.718.968
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(427.038.030.231)	(425.213.424.833)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.	3.979.537.417	5.096.799.231
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	2.305.795.663.982	3.503.001.559.607
1 Hàng tồn kho	141		2.346.625.002.702	3.561.258.937.141
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.829.338.720)	(58.257.377.534)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		99.674.745.022	233.933.148.124
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	9.882.303.807	9.046.595.038
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		83.134.877.540	204.575.964.182
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	6.657.563.675	20.310.588.904
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.998.435.326.750	12.373.899.324.768
I Các khoản phải thu dài hạn	210		156.563.674.823	116.518.058.829
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	46.573.274.434	2.782.276.434
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.	440.000.000	440.000.000
3 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	109.550.400.389	113.295.782.395
II Tài sản cố định	220		2.347.137.341.089	2.333.040.061.468
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	2.301.588.167.673	2.286.819.218.727
- Nguyên giá	222		4.742.151.014.790	4.419.603.312.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.440.562.847.117)	(2.132.784.094.055)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	45.549.173.416	46.220.842.741
- Nguyên giá	228		79.724.645.871	78.236.680.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.175.472.455)	(32.015.837.590)
III Bất động sản đầu tư	230	V.11.	39.623.917.075	41.368.437.109
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.826.811.679)	(16.082.291.645)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	112.552.074.607	301.159.855.576
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		112.552.074.607	301.159.855.576
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	6.969.779.512.879	9.265.112.433.496
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.948.578.629.749	9.243.911.550.366
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.200.883.130	21.200.883.130
VI Tài sản dài hạn khác	260		372.778.806.277	316.700.478.290
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	365.204.199.263	316.526.251.349
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		76.797.014	174.226.941
3 Tài sản dài hạn khác	268		7.497.810.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.405.981.212.071	23.360.901.299.197

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.556.403.251.390	4.785.549.601.106
I Nợ ngắn hạn	310		1.398.652.891.088	4.562.801.756.142
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	446.653.431.054	2.155.132.948.291
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	35.111.464.256	23.832.971.407
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	52.445.220.502	49.146.129.830
4 Phải trả người lao động	314		188.301.226.788	166.763.065.620
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	47.833.423.702	70.054.625.219
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	2.793.198.359	81.000.000
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	183.846.996.273	1.726.894.460.995
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.	384.022.426.818	285.360.972.657
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.	9.958.724.534	10.409.877.875
10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.686.778.802	75.125.704.248
II Nợ dài hạn	330		157.750.360.302	222.747.844.964
1 Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14.	501.822.190	519.599.968
2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	9.570.757.559	10.049.148.328
3 Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	11.551.915.388	35.081.062.240
4 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.	115.683.337.780	175.179.428.259
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		18.845.918.788	-
6 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.596.608.597	1.918.606.169
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.849.577.960.681	18.575.351.698.091
I Vốn chủ sở hữu	410	V.21.	24.835.638.502.037	18.553.773.885.717
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		30.144.507.304	190.786.505.622
3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(117.090.027.796)	(385.649.418.559)
4 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.236.408.361	6.996.802.792
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		73.005.501.907	65.358.701.422
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.360.133.754.737	4.992.895.378.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.349.763.062.092	(146.536.672.000)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.010.370.692.645	5.139.432.050.994
7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	226.514.640.500
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		195.208.357.524	168.871.274.946
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.939.458.644	21.577.812.374
1 Nguồn kinh phí	431		(5.968.345.231)	(5.243.123.125)
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		19.907.803.875	26.820.935.499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.405.981.212.071	23.360.901.299.197

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập

Lê Thị Thanh Thủy

Phụ trách kế toán

Hoàng Văn Lắm



Quyền Tổng giám đốc

Ngô Văn Tuyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: VND Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	7.074.453.500.290	6.585.534.794.692
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	4.377.156.129	22.335.551.872
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		7.070.076.344.161	6.563.199.242.820
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	6.467.375.948.323	5.943.133.524.946
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		602.700.395.838	620.065.717.874
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	416.459.794.982	254.109.625.402
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	79.467.200.352	41.563.626.171
Trong đó: Chi phí lãi vay			20.403.475.065	35.594.419.945
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.851.950.846.896	5.169.933.087.250
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	176.385.161.516	282.355.631.961
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	480.326.147.456	595.417.299.815
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		7.134.932.528.392	5.124.771.872.579
12 Thu nhập khác	31	VI.6.	10.573.415.142	19.557.138.514
13 Chi phí khác	32	VI.7.	19.281.097.903	22.492.877.612
14 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(8.707.682.761)	(2.935.739.098)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		7.126.224.845.631	5.121.836.133.481
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	60.142.622.428	35.856.952.073
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		18.850.846.931	15.450.499
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.047.231.376.272	5.085.963.730.909
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		7.010.370.692.645	5.046.110.643.491
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		36.860.683.627	39.853.087.418
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	5.275,72	3.797,49

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập

Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc







Lê Thị Thanh Thủy

Hoàng Văn Lãm

Ngô Văn Tuyền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

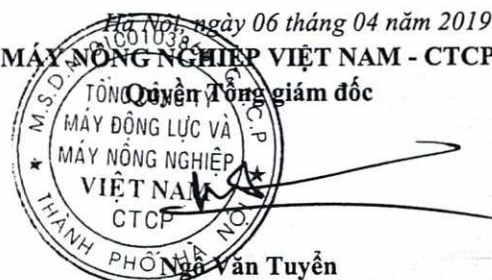
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Từ 24/01/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.126.224.845.631	5.121.836.133.481
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		291.719.858.633	304.226.253.135
- Các khoản dự phòng	03		(16.054.586.757)	217.042.026.429
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		35.731.815	(76.751.440)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.265.838.934.632)	(5.394.376.886.585)
- Chi phí lãi vay	06		20.403.475.065	35.594.419.945
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(854.296.911)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155.636.092.844	284.245.194.964
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.723.474.721.800)	(1.246.225.531.385)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.214.633.934.439	(1.182.233.766.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.123.218.566.259)	1.733.987.428.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(49.513.656.683)	(15.576.344.559)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.415.085.209)	(36.131.119.394)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.188.186.882)	(50.084.688.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		18.859.789.710	20.572.146.148
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.570.406.486.671)	(49.912.706.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.129.086.886.511)	(541.359.387.338)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(195.783.586.339)	(461.984.120.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		4.312.991.832	137.526.769.002
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.740.106.044.534)	(2.237.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.242.200.000.000	427.523.218.355
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.915.563.580)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		720.000.000	998.406.544
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.192.240.538.957	5.271.217.585.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.503.583.899.916	3.124.566.295.281
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.543.204.215.402	1.472.799.935.737
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.504.058.304.845)	(1.650.903.401.979)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(560.101.536.254)	(3.715.751.846.521)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(520.955.625.697)	(3.893.855.312.763)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.146.458.612.292)	(1.310.648.404.820)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.488.042.051.083	3.798.608.412.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(52.026.640)	82.043.767
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	341.531.412.151	2.488.042.051.083

Người lập

Lê Thị Thanh Thủy

Phụ trách kế toán

Hoàng Văn Lãm



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)